

PHẨM CHỈ-QUÁN THỨ 187

Hỏi: Nhiều chỗ trong kinh Phật thường bảo các Tỳ-kheo: “Hoặc ở chỗ vắng vẻ, hoặc ở chỗ dưới cây, hoặc ở trong nhà trống vắng, nên nghĩ hai pháp là CHỈ và QUÁN.” Nếu tất cả các pháp thiên-định đều nên nghĩ nhớ, tại sao chỉ nói CHỈ-QUÁN thôi?

Đáp: CHỈ là ĐỊNH, QUÁN là HUỆ. Tất cả pháp lành nào do tu mới sinh thì đều nhiếp thuộc trong hai pháp ấy. Và còn ở tản tâm mà có các tuệ nghe nghĩ cũng nhiếp trong pháp này, vì hai pháp này năng thành xong đạo pháp. Tại vì sao? Vì quả có thể ngăn gút; QUÁN có thể dứt, CHỈ như nắm cỏ, QUÁN như liềm cắt, CHỈ như quét đất; QUÁN như trừ phần. CHỈ như cào nhóp; QUÁN như nước rửa. CHỈ như nước làm thắm; QUÁN như lửa làm chín. CHỈ như mụn phụ ung; QUÁN như dao khoét, CHỈ như khơi mạch; QUÁN như chích máu. CHỈ là ngăn tâm động; QUÁN như khơi tâm chìm, CHỈ như vẩy nước vàng; QUÁN như đem lửa nung, CHỈ như giầy buộc đất; QUÁN như dùng dao nạo. CHỈ như lấy nhiếp nhổ gai; QUÁN như kéo dao cắt tóc. CHỈ như áo giáp; QUÁN như gậy binh. CHỈ như đứng bằng; QUÁN như lấy tên. CHỈ như uống dầu; QUÁN; như uống thuốc. CHỈ như nhồi đất; QUÁN như ấn in; CHỈ như rèn vàng; QUÁN như đúc đồ. Lại chúng-sinh thế-gian đều đọa hai bên hoặc khổ hoặc vui. CHỈ năng bỏ vui; QUÁN năng lia khổ. Lại trong bảy Tịnh: Giới-tịnh, tâm tịnh là CHỈ; còn năm pháp kia là QUÁN trong tám đại nhân giác: sáu giác là CHỈ; hai giác là QUÁN. Trong bốn ức-xứ, ba ức-xứ là CHỈ; ức-xứ thứ tư là QUÁN, Bốn như-ý-túc là CHỈ; bốn chính cần là QUÁN. Trong năm căn: bốn căn là CHỈ; huệ căn là QUÁN. Năm lực cũng vậy. Trong bảy giác phần: ba giác phần là CHỈ; ba giác phần là QUÁN; còn niệm-giác-phần chung cả hai. Trong tám chính đạo phần: ba phần là giới; hai phần là CHỈ, ba phần là QUÁN. Giới cũng thuộc CHỈ. Lại CHỈ năng dứt tham; QUÁN trừ vô-minh. Như trong kinh nói: “Tu CHỈ là tu tâm; tu tâm là dứt tham thọ. Tu QUÁN là tu huệ: Tu huệ thời vô-minh dứt”. Lại vì lia tham nên tâm được giải thoát; Vì lia vô-minh huệ được giải thoát. Giải thoát được hai món ấy lại không còn việc gì nữa nên chỉ nói hai pháp ấy.

Hỏi: Nếu CHỈ-QUÁN năng tu tâm tu huệ; vì tu tâm huệ nên dứt tham và vô-minh. Mà sao Định nói CHỈ năng tu tâm, năng dứt tham ái; QUÁN năng tu huệ năng dứt vô-minh?

Đáp: Kẻ tản-tâm các tâm nối nhau đi trong sắc thấy. Tâm nối nhau này được pháp CHỈ thời dứt, nên nói CHỈ năng tu tâm. Do dứt tâm sinh trí nên nói QUÁN năng tu huệ. Vì sinh QUÁN rồi sau mới có tu, nên đều gọi tu huệ. Sơ huệ gọi là QUÁN, sau mới gọi là huệ. Như trong kinh nói: “Tu CHỈ năng dứt tham”. Là nói ngăn dứt. Tại vì sao? Vì với trong sắc thấy ngoại-dục sinh tham, nếu được thuốc CHỈ thời chẳng năng sinh lại. Như trong kinh nói: “Hành-giả khi được tịnh-hỷ, la bỏ bất-tịnh-hỷ”. Nếu nói vô-minh dứt là dứt rốt ráo. Tại sao biết được? Vì vô-minh dứt nên tham thấy phiền não dứt hẳn không còn. Trong kinh cũng nói lia tham nên tâm được giải thoát gọi là ngăn-dứt. Lia vô-minh nên huệ được giải thoát, gọi là rốt ráo dứt. Có hai món giải thoát: thời gian giải thoát và bất hoại giải thoát. Thời gian giải thoát là ngăn dứt; bất hoại giải thoát là rốt-ráo dứt.

Hỏi: Thời giải thoát là ngũ-chủng A-La-Hán vô lậu giải thoát bất hoại giải thoát là bất-hoại pháp A-La-Hán vô-lậu giải thoát. Mà tại sao chỉ nói ngăn dứt ư?

Đáp: Đây chẳng phải vô-lậu giải thoát. Tại vì sao? Vì thời-giải thoát là chỉ nhờ thượng lực chút thời ngăn gút mà chưa năng dứt hẳn được, về sau phát sinh lại, nên chẳng phải vô-lậu. Lại giải thoát này gọi là thời, là ái giải thoát, chứ lậu-tận A-La-Hán không còn chỗ khả ái.

Hỏi: Nếu vậy là không có Thánh sở-ái-giới?

Đáp: Vì các học-nhân chưa hết lậu nên ngã-tâm thỉnh-thoảng phát khởi, vậy nên đối với giới sinh ái, chứ chẳng phải A-La-Hán ngã tâm đã diệt hẳn mà sinh ái lại vậy.

Hỏi: Cù-Đề A-La-Hán với thời giải thoát sáu phen trụt lui mắt; lo sợ lui lần thứ bảy nên lấy dao tự sát. Nếu mắt hữu-lậu chẳng đến nỗi tự sát. Nên biết thời giải thoát chẳng gọi hữu-lậu?

Đáp: Người này lui mắt sở-dụng dứt gút thiên-định ở trong định ấy sáu phen lui mắt, đến phen thứ bảy lại được Định ấy lại, mới bền muốn tự sát. Bây giờ liền chứng được Đạo A-La-Hán. Vậy nên ma-vương bảo nhau rằng kẻ học nhân chết đi quanh bốn phía thầy để tìm Thức nó chạy ra. Rồi đến thưa Phật rằng: Bạch Thế-Tôn! Đệ-tử của Ngài tại sao lậu chưa hết mà chết? Đức Phật nói: Người ấy đã nhổ gốc ái, được vào Nê-Hoàn.

Hỏi: Nếu dứt tham gọi ngăn dứt ấy. Trong kinh nói: Từ tham tâm được giải thoát; từ nhuế si huệ được giải thoát.” Lại nói: “Từ dục lậu tâm được giải thoát”. Như vậy đều nên gọi là năm giải thoát, chứ chẳng phải thật giải thoát?

Đáp: Trong ấy cũng có nói dứt vô-minh, nên mới biết là rốt ráo giải thoát. Như nói dứt tham: hoặc là ngăn dứt, hoặc rốt ráo dứt. Nếu chẳng sinh chân trí thời là ngăn dứt; tùy sinh chân trí là rốt ráo dứt. Chứ

không có dùng pháp CHỈ mà dứt rốt ráo dứt tham được. Nếu như vậy ngoại đạo cũng có thể rốt ráo dứt tham? Mà thật chẳng phải vậy. Nên chẳng phải vậy. Nên biết vẫn là ngăn dứt.

Hỏi: Trong kinh nói: “Dùng CHỈ tu tâm nương QUÁN được giải thoát; dùng QUÁN tu tâm nương CHỈ được giải thoát”. Việc ấy thế nào?

Đáp: Hành-giả, hoặc nhờ thiên-định sinh duyên diệt trí, đây là dùng CHỈ tu tâm nương QUÁN được giải thoát. Hoặc dùng tâm phân-biệt âm, giới, nhập thủy, nhờ đây được duyên diệt dứt; đây là dùng QUÁN tu tâm nương CHỈ được giải thoát. Nếu được niệm xứ thủy đạt phần nhiếp tâm thời đều tu CHỈ QUÁN. Lại tất cả hành-giả đều nương hai pháp này được diệt tâm giải thoát.

PHẨM TU-ĐỊNH THỨ 188

Hỏi: Ông nói tu tập Định. Định-tâm này là niệm niệm sinh diệt làm sao tu được?

Đáp: Hiện thấy thân nghiệp tu niệm niệm diệt, nhờ tu tập nên có tài-năng khác thường, tùy tu tập lâu dần tăng tiến điều lợi kiên-cố dễ nhớ, như đọc tụng thấy. Nên phải biết ý nghiệp tuy niệm niệm diệt nhưng có thể tu tập, như lửa năng biến sống thành chín; nước năng xoi đá; gió năng thổi vật. Như vậy những pháp niệm niệm diệt đều có sức nhóm họp. Lại tùy-tập phiền não thời tùy đó mà hưng thịnh, như người đời lung quen dâm-dục thời tâm thành đa-dục. Nhuế si cũng vậy. Như trong kinh nói: “Nếu người tùy nghĩ việc gì, thời tâm hướng theo việc đó, như thường tùy dục-giác, thời tâm hướng theo dục”. Hai giác kia cũng vậy. Nên biết tâm này tuy niệm niệm diệt mà cũng có thể tu tập. Lại tư gọi là tăng-trưởng. Hiện thấy các pháp đều có tăng-trưởng. Như trong kinh nói: “Hành-giả bởi tà niệm nên dục thấy các lậu chưa sinh thời sinh; đã sinh tăng trưởng nghĩa là từ hạ sinh trung, từ trung sinh thượng, như hột giống, mộng cộng nhánh lá hoa trái và hột”. Hiện thấy đều từ nhân lần-lữa tăng-trưởng; pháp định-huệ thấy cũng nên như vậy. Lại hiện thấy ướp mè, hương nó càng tăng: hương ấy và mè niệm niệm chẳng mà có sức ướp. Nên biết pháp niệm niệm cũng có thể tu tập.

Hỏi: Mè là pháp trụ hoa hương không có tâm trụ đến xông ướp. Đem tứ niệm niệm diệt mà đến tu tập, thì làm sao ví dụ được?

Đáp: Không có trụ pháp. Tất cả các pháp đều niệm niệm diệt. Điều này trước đã thành lập nên chẳng còn đem nạn được. Lại nếu pháp chẳng niệm niệm diệt., thời không tu tập được, tức thể thường trụ tu tập ích gì? Nếu pháp niệm niệm sinh diệt do hạ, trung, thượng nên mới có tu tập.;

Hỏi: Các hoa đến mè năng ướp; trí chẳng đến tâm nên không tu tập?

Đáp: Trong ví dụ trên nghiệp đã nói rõ việc này. Chỗ gọi hậu nghiệp chẳng đến tiên nghiệp. Lời nói trước chẳng đợi lời nói sau; mà thân-khẩu-nghiệp cũng vẫn có tướng tu. Vậy nên người nói chẳng đến chẳng tu, chẳng gọi là nạn vắn được. Lại hiện thấy nhiều quả tuy chẳng đồng thời, nhưng cũng được do nhân có quả. Như vậy tâm pháp tuy niệm niệm diệt, mà vẫn có tu tập được. Lại như giống được có nước tuy chẳng đến mộng thấy, nhưng cũng vẫn khiến mộng thấy thấm nhuần tươi tốt. Như vậy tu tập trí-huệ trước tâm sau tăng trưởng lẫn nhau.

Hỏi: Nếu mè niệm niệm diệt thời sinh mè khác; mè này là ướp mà sinh hay chẳng ướp sinh? Nếu chẳng ướp sinh, trọn không có ướp. Nếu ướp mà sinh ấy lại cần gì ướp cho lâu?

Đáp: Vì nhân ướp vậy. Như giống được nước thời mộng thấm nhuần tốt tươi. Như nhân hoa trước hiệp lại mà sinh mè khác, vậy thời do ướp sinh. Người nói cần gì ướp lâu: như trong kinh của người nói: “Bởi lửa hiệp lại phát diệt tướng đen vì trần sinh tướng đỏ”. Nếu lửa đầu mới hiệp pháp diệt tướng đen ấy, lẽ chẳng nên sinh lại tướng đen. Nếu lửa đầu mới hiệp pháp sinh tướng đỏ ấy, lại cần gì lửa sau phải hiệp nữa? Nếu khi lửa đầu hiệp tướng đen sinh, tướng đỏ lẽ trọn chẳng sinh; hoặc khi thứ hai tướng đỏ sinh, lại cần gì lâu hiệp với lửa? Nếu ý người bảo tướng đỏ sinh dần. Tâm cũng như thế, đâu có lỗi gì ư? Hư hoại thấy cũng như vậy. Lại các pháp tuy có nhân-duyên nhưng cũng thứ lớp sinh, như thọ thai thấy dần dần thành thân; như giống rễ thấy cũng lần lửa mà sinh. Như vậy các pháp định huệ thấy tuy niệm niệm diệt, nhưng cũng do pháp hạ trung thượng thứ lớp mà sinh. Lại tu pháp mâu nhiệm dị tâm nối nhau, như mâu nhiệm của móng lông tóc làm cho trướng biến dần; như vì nóng của da tay nên cán búa mòn dần đến hết.

Tâm cũng như vậy, định huệ mâu nhiệm nên lần nữa tu tập. Lại pháp tu đến thời mới biết. Như lời kệ nói: một phần theo Thầy lành; một phần nhờ Bạn được; một phần tự suy nghĩ; một phần đợi thời chín. Nếu có người tuy đọc tụng suốt ngày chẳng minh liễu được, như thời chín ấy, như đem nhiều hoa một thời xông ướp mè, chẳng bằng ít hoa dần dần ướp lâu. Dầu nước thấm nhuần vào tường vách dày thấy cũng đều như thế. Hiện thấy giống rễ mộng thấy tăng trưởng mâu nhiệm hãy chẳng thấy được, lớn lên từng ngày chừng bằng đầu sợi lông. Thân trẻ nít thấy; bơ sữa thấy chín mùi cũng lại như thế. Nên biết pháp tu hành mâu nhiệm khó mà hiểu biết được.

Hỏi: Hoặc có pháp nhất thời gấp nhóm: Như có người xưa nay chẳng thấy sắc, mà thấy sắc là đắm nhiễm ngay. Cũng có kẻ chút thời nhiều điều thông đạt. Mà tại sao chỉ nói lần nữa tu tập?

Đáp: Đấy đều là quá-khứ từng tu tập nên biết chứa nhóm sự tu tập lần nữa. Việc này đã nói rõ. Lại chẳng chỉ phát tâm mà có được thành xong sự nghiệp. Như trong kinh nói: “Nếu đối với pháp lành chẳng năng siêng tu tập mà chỉ mong muốn chẳng thọ các pháp, với trong các lậu tâm muốn được giải thoát, thời ý nghĩ người này trọn chẳng mãn nguyện, vì chẳng năng siêng tu pháp lành vậy”. Hành-giả, nếu năng siêng tu-pháp lành dù chẳng phát nguyện, tâm cũng được giải thoát các lậu vì do từ nhân sinh quả chẳng cầu nguyện vậy, in như chim sẻ cần lo ấp trứng, chẳng cần nguyện cầu chim con từ trứng vợ mà ra. Lại chẳng vì nguyện nên đèn sáng trong treo, mà cần đầy đủ đèn trong tim sạch, không vật gì xúc động sáng mới trong treo. Lại chẳng những nguyện nên năng được lúa tốt, mà quyết phải ruộng màu, giống tốt thời tiết thuận hòa, nông thôn đầy đủ mới có thu hoạch.

Lại chẳng những nguyện suông nên thân được sức mạnh, mà cần phải uống thuốc bổ, ăn những thức ngon bổ thấy các duyên mới được đầy đủ sức lực. Như vậy chẳng những nguyện suông nên năng được hết lậu, mà cần phải trần-trí mới được giải thoát. Có đâu kẻ trí nhận biết do nhân sinh quả, mà bỏ nhân để chạy theo viển vông để cầu quả. Lại pháp tập hiện thấy được quả-báo. Như trong kinh Phật nói: “Không cần bảy ngày, Ta dạy Đệ-tử cho đến tu tập pháp lành chừng giây lát rồi ở trong nhiều đời thường được hưởng vui”. Lại các Tỳ-kheo-ni thừa A-Nan rằng: “Bach Đại Đức! Chị em chúng tôi khéo tu-niệm-xú nghiệm biết khác hơn lúc ban sơ”. Lại trong kinh Phật bảo các Tỳ-kheo: “nếu người không tâm đua dọc về đây với Ta, Ta vì nói pháp ban mai, khiến cho ban chiều được lợi; nói pháp ban chiều khiến cho sáng được lợi”. Lại nếu người được Đạo A-La-Hán, thời không cùng kẻ khác, cũng chẳng cùng với phi-nhân. Chỉ riêng tu chính-nhân nên được lợi ấy. Lại vô-thượng Phật-Đạo còn phải cần chứa nhóm tu tập pháp lành mới chứng được, huống là những việc khác! Như trong kinh Phật bảo các Tỳ-kheo: “Ta nương nhờ hai pháp mới được Đạo vô-thượng: một là vui tu hành không chán; hai là tu Đạo chẳng mỏi”. Đức Phật đối với pháp lành trọn không hạn lượng. Lại các vị Bồ-Tát dù chẳng được Định cũng chẳng biếng mỏi. Tại vì sao? Vì nếu chẳng làm lành thời không được gì hết. Làm lành cũng chẳng khoe nhau. Kẻ chẳng làm lành quyết không yên-ôn. Suy nghĩ đầy rồi, thời siêng năng tinh-tiến tu tập pháp lành. Nếu phát tâm tinh-tiến hoặc đắc hoặc thất; kẻ chẳng tinh-tiến hẳn không có hy-vọng. Vậy nên phải siêng năng tu tập, đừng sinh biếng-nhác.

Lại kẻ trí cuối cùng phải được giải thoát. Nếu bỏ pháp tu tập không còn phương-tiện nào khác. Vậy nên kẻ trí phải siêng tu tập đừng sinh biếng nhác. Lại hành-giả nghĩ tu chính-hành chắc có quả-báo, tuy chưa được liền chẳng lấy làm lo. Lại hành-giả nên nghĩ: Ta đừng được quả-báo tu tập, vì chúng-sinh xưa nay đều được tất cả thiên-định, nay ta chính tu cũng chắc sẽ được. Nên chẳng biếng nhác. Lại chính-hành ấy, lấy Phật làm chứng-minh: Ta nay chính-hành, nên biết chắc được. Lại ta được đầy đủ nhân duyên đắc Đạo là: được làm thân người, các căn đầy đủ, rõ biết tội phước, cũng tin giải thoát, gặp thiện-tri-thức. Dù những duyên may này, làm sao tu tập chẳng được quả? Lại chính hành tinh-tiến trọn chẳng luống bỏ, nên chẳng nhàm mỏi. Lại phiền não mòn mỏi dứt khó biết như cán búa lần mòn đến hết; các phiền não ta cũng phải dứt mòn, nhưng vì nhỏ nhiệm nên không thể biết hết được. Nên biết tu thiện tinh-tiến là hơn hết. Lại chút trí còn có thể trừ tội. Như vậy chỉ được chút trí thời là xong việc, nên chẳng nhàm mỏi. Lại lâu mà khó thành chỗ gọi đắc Định. Nếu đắc Định rồi thời các công phu khác chẳng bao lâu. Vậy nên tuy chẳng mau đắc, quyết chẳng nhàm mỏi. Lại hành giả nên nghĩ đắc Định rất khó, như Bồ-Tát xưa phước huệ sâu dày mà phải tinh-cần đến sáu năm mới chứng được! Còn các Tỳ-kheo đắc Định cũng khó, huống là chúng ta phàm phu bạc-phước độn-căn thiên-trí mà năng mau được ư? Nghĩ như vậy rồi chẳng sinh nhàm mỏi. Lại điều tất yếu của các hành-giả phải là tu Định, lại không còn nghiệp khác hơn, nên dù được cùng chẳng được vẫn cần phải tu tập. Lại kẻ tu tập dù chẳng được Định, nhưng cũng gọi thân được xa lìa. Thân xa lìa rồi thời dễ được Định. Lại nếu Định thời chẳng bỏ ơn Phật. Mà cũng vì tu hạnh xa lìa mới được mang tên hành-giả.

Lại tu tập thiện-pháp đã lâu thời thành thiện-tính, cho đến chuyển mang thân khác thiện-pháp ấy vẫn thường đeo theo, nên được thường cùng thiên-nhân gặp nhau, đấy là đại lợi. Lại kẻ thường tu thiện hoặc ngay thân này chắc được hết lậu; hoặc chính khi lâm-chung được hết; hoặc sau khi mạng chung hóa sinh về thiên-xứ ở trong ấy được hết như trong văn-pháp-lợi đã nói. Lại trong tâm hành-giả phát khởi tướng dưng-mãnh nghĩ như vậy: Nếu ta chẳng phá nổi trận giặc phiền não này quyết chẳng trở về không. Lại hành-giả nương tâm kiêu-mạn mà sinh ý nghĩ này: Kẻ khác có tin thấy các căn-lành nên năng được Định, ta nay tại sao lại có cái chẳng được? Như Bồ-Tát xưa từ khi làm tiên-nhân A-La-Lạ thấy nghe pháp khởi nghĩ như vậy: Người này có tin thấy các căn lành, nên năng được Pháp này; Ta nay cũng có, mà tại sao lại chẳng được? Lại hành-giả biết thể phiền não yếu ớt, sức trí-huệ mạnh mẽ, diệt nó đâu khó gì? Như nói Tỳ-kheo thành-tựu sáu pháp, có thể đem gió miệng thổi tan núi Tuyết, huống là thú vô-minh chết. Lại hành-giả sinh

ngiht: Do đời trước ta chẳng tu Định, nên nay chẳng thể được; nay nếu chẳng siêng tu sau lại chẳng được luôn, nên phải siêng tu tập. Lại vì thường tu Định nên tâm được trụ-xứ như chiếc bình lăn chẳng dừng chắc phải có chỗ trụ. Lại hành-giả sinh nghĩ: Nếu ta thường sinh tinh-tiến, hoặc được chẳng được, sau khỏi ăn-năn. Vậy nên phải nhất tâm siêng năng tu tập các Định.

PHẨM TRÍ-TƯỚNG TRONG TRÍ LUẬN NHÓM ĐẠO ĐẾ THỨ 189

Chân-huệ gọi là trí. Chân là không, vô-ngã. Trong ấy trí huệ gọi là chân-trí; huệ trong giả-danh là tướng chẳng phải trí. Tại vì sao? Vì trong kinh nói: “Nhu dao năng cắt”. Đệ-tử Phật lấy dao trí-huệ năng cắt dứt: gút, trói, khiến, buộc tất cả phiền-não, chứ chẳng nói pháp nào khác. Chẳng phải chẳng thật mà năng dứt phiền-não được. Nên biết trí-huệ là thật.

Hỏi: Ông chỉ nói năng dứt phiền-não. Việc ấy chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì tướng cũng năng dứt các phiền-não. Như trong kinh nói: “Khéo tu tướng vô-thường là năng phá dục-nhiễm, sắc nhiễm, và vô-sắc nhiễm, tất cả hý-diệu, kiêu mạn, vô-minh?”.

Đáp: Chẳng phải lẽ. Huệ mới dứt phiền-não, lấy tên tướng mà gọi. Phật có hai lời nói: một thật ngữ; hai danh-tự ngữ. Như trong kinh nói: “Từ tâm dứt giận dữ”. Mà thật chẳng phải từ pháp dứt gút, duy trí mới năng dứt. Như nói dao trí dứt các phiền-não. Nên biết nói “từ năng dứt giận dữ” là danh tự ngữ. Lại nghĩa trong kinh nói hiểu biết nên gọi tuệ. Năng hiểu biết việc gì? Là sắc vô-thường như thật biết vô-thường; thọ tướng hành thức vô-thường như thật biết vô-thường. Đây là trí huệ. Lại nói Đệ-tử Phật là kẻ tu Định nhiếp tâm như thật thấy biết. Vậy nên biết duyên Đệ nhất nghĩa gọi là trí huệ. Lại trong ví dụ, trí tuệ gọi là con trí dao-huệ mũi tên thầy. Trong dụ này đều chỉ rõ nghĩa dứt trừ phiền-não, duy chân trí huệ mới có thể dứt phiền-não. Nên biết trí tuệ là thật. Lại trong kệ nói: Hành-giả thấy thế-gian, tất cả các Thiên-nhân, vì mất chân trí, tham đắm nơi danh sắc. Thế-gian phân đông chấp hư vọng cho là Thường-Lạc-Tĩnh thầy gọi là mất chân trí. Nếu thấy chân thật không, vô ngã thầy gọi được chân trí. Nên biết trí huệ thật. Lại trong kinh Phật nói: “Nhu người mất của gọi mất tiểu lợi. Nếu mất trí tuệ gọi mất đại lợi”. Lại nói: “Vói trong các lợi của là lợi nhỏ mọn: Huệ là lớn lao”. Lại nói: “Vói trong các sáng, nhật nguyệt sáng nhỏ, tuệ sáng đệ nhất. “Nếu tuệ chẳng phải thật, Phật vì sao phải nói lên như thế ấy? Lại trong kinh nói huệ căn nhiếp thuộc Thánh đế. Lại nói Khổ Tập trí thầy phải biết chân thật, quyền đệ nhất gọi là tí tuệ. Lại nói, vói trong các pháp trí tuệ là thượng. Lại nói Vô-thượng-Chánh-Biến-Tri, cũng nói tuệ-nhân. Nên biết trí tuệ là thật, vì duyên đệ-nhất-nghĩa.

Hỏi: Nếu vậy thời không có thể gian trí-tuệ?

Đáp: Thế-gian thật không có trí-tuệ. Tại vì sao biết? Vì tâm thế-gian duyên giả-danh; mà tâm xuất-thế-gian mới duyên không, vô-ngã. Tại vì sao? Vì thế gian là giả danh; mà vượt khỏi giả-danh mới gọi xuất-thế-gian.

Hỏi: Ông nói chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì trong kinh nói: “Thức biết chỗ nào? Là biết sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp”. Như vậy âm, giới, nhập thầy đều nhờ Thức biết. Nay biết này đều nên gọi là xuất-thế-gian. Vậy nên ông nói tâm thế-gian duy duyên giả danh chẳng năng duyên thật. Việc này chẳng phải lẽ. Lại ý-thức cũng năng duyên thật, vì năng duyên thọ, tướng, hành thầy vậy. Lại Phật nói hai món chính-kiến: thế-gian và xuất-thế-gian. Thấy có phước tội thầy gọi là thế-gian. Như thánh đệ-tử duyên Khổ-Tập-Diệt-Đạo, vô-lậu niệm tương ưng tuệ gọi là xuất-thế-gian. Lại trong kệ nói: Được Chính-kiến trên đời, dù qua lại sinh tử, trải đến trăm ngàn đời, thường chẳng đọa ác đạo. Lại trong kinh nói: “Kẻ tà-hành được sinh về chỗ lành”. Người này tội nghiệp chưa thành, mà duyên lành chính trước, hoặc chính khi chết chính-kiến tương-ưng, thiện-tâm, hiện tiền, nên được sinh chỗ lành. Lại trong thập-thiện-đạo cũng có nói chính kiến. Ông nói sao không thế-gian trí? Lại Phật tự nói có ba món tuệ: văn-tuệ, tư-tuệ và tu-tuệ. Văn-tuệ tư-tuệ đều là thế-gian, mà tu-tuệ gồm cả hai. Lại Phật sinh nghĩ: Tỳ-kheo La-Hầu-La chưa có thể thành tựu được tuệ giải thoát. Lại nói có năm pháp có thể khiến tâm chưa thể thành-thục giải thoát được thành-thục. Đây đều là trí-tuệ thế-gian. Lại trong kinh nói: “Có người năng ra mà chẳng năng xem; có người năng xem mà chẳng năng ra”. Được thế-gian trí nên gọi năng ra; chưa thấy tứ-đế nên chẳng năng xem. Nếu thấy tứ-đế mà chưa được hết lậu nên gọi chẳng năng qua. Lại Phật tự nói: Pháp-trí, tỷ-trí, tha-tâm-trí, thế-trí. Lại nói: Túc-mạng-trí, sinh-tứ-trí. Đây là hữu-lậu. Lại nói: pháp-trụ-trí. Nê-Hoàn-trí. Do trong kinh nói có như thế thầy. Nên mới biết có hữu-lậu-trí?

Đáp: Nếu có trí-tuệ hữu-lậu, thì nay cần phải nói tướng sai khác của trí hữu-lậu và vô-lậu đi?

Hỏi: Nếu pháp “đọa có” gọi là hữu-lậu, mà khác đi thời vô-lậu.

Đáp: Pháp nào là “đọa có”, pháp nào chẳng “đọa có”, việc này nên phải đáp. Nếu chẳng đáp được thời chẳng phải tướng hữu-lậu và vô-lậu. Người nói có thế-gian tâm duyên chẳng phải giả-danh nghĩa là thức duyên các trần thầy. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì Phật nói phạm-phu thường chạy theo giả-

danh. Nghĩa này vì tất cả tâm phàm-phu chẳng phá được giả-danh, nên thường chạy theo ngã-tướng trọn chẳng thể lia được; tuy thấy sắc chẳng lia được tướng cái bình thủy, nên tâm phàm-phu chẳng duyên thật nghĩa được. Dù có duyên thọ tướng thủy các pháp cũng vẫn thấy là ngã và ngã-sở. Nên biết tất cả tâm thế-gian đều duyên giả-danh. Người nói có các thế-gian trí-huệ là hai món chính-kiến thủy. Nay sẽ đáp: Tâm có hai thứ: si-tâm và trí-tâm. Duyên pháp giả-danh gọi là si-tâm; nếu chỉ duyên pháp nghĩa là không, vô-ngã gọi là trí-tâm. Như trong kinh nói để giải nghĩa vô-minh: “Vô-minh ấy: chẳng biết trước, chẳng biết sau, chẳng biết trước sau; chẳng biết nghiệp, chẳng biết báo, chẳng biết nghiệp báo trước sau. Như vậy thủy chỗ chỗ như-thật chẳng biết chẳng hiểu si vọng tối đen, nên mới gọi là vô-minh”. Như-thật chẳng biết ấy: Nghĩa là chẳng biết trống-không vô-ngã, vì là tâm phàm-phu thường ở trong giả-danh và duyên giả-danh nên gọi là vô-minh. Duyên “không” gọi là trí. Nay, nếu tất cả tâm thế-gian đều duyên giả-danh, vì tâm duyên giả-danh gọi là vô-minh, thì làm sao được nói thế-gian có trí-tuệ?

Hỏi: Ông nói trí-tuệ tướng duyên giả-danh gọi vô-minh ấy. Nay thấy A-La-Hán lẽ phải có vô-minh, vì cũng có tâm duyên cái bình thủy vậy?

Đáp: A-La-Hán không có tâm duyên cái bình thủy. Tại vì sao? Vì khi mới đắc Đạo đã phá vỡ các tướng giả-danh rồi. Nhưng chỉ vì sự dụng nên nói bình thủy mà chẳng chấp đắm kiêu-mạn. Có ba thứ lời: một do thấy sinh; hai do mạn sinh; ba do sự dụng sinh. Phàm-phu hoặc nói bình, hoặc nói người, những lời ấy đều do thấy sinh. Học nhân tuy không ngã-kiến, vì mất chánh-niệm nên với trong kinh Sai-Ma-Già đã nói. Sự dụng: Là A-La-Hán như Ngài Đại-Ca-Diếp thấy áo tăng-già-lê nói: Vật này của Ta Thiên-Thần sinh nghi? Phật giải-thích rằng: “Người ấy đã nhổ hẳn gốc mạn, đốt hết nhân-duyên làm sao có mạn? Nhưng vì danh-tự thế-gian nên nói thế thôi”. Nên biết A-La-Hán không có tâm cái bình thủy.

Hỏi: Nếu thế-gian không trí tuệ, mà nói hai món chính-kiến thủy, thì làm sao thông với kinh được?

Đáp: Đây đều là tướng, lấy tên trí mà nói. Phật năng thông đạt thật tướng các pháp; tùy theo có thể độ chúng-sinh mới lập nhiều danh tự, như trí-huệ lấy tên thọ thủy mà nói, chỗ gọi thọ giả đối với các pháp được giải thoát. Cũng nói, khéo tu tướng vô-thường thủy năng phá tất cả phiền-não. Cũng nói nghiệp thứ tư chẳng đen chẳng trắng năng hết các nghiệp, chỗ gọi học tu. Lại nói, lấy ý dứt các tham đắm. Lại nói, tin năng qua sông, nhất tâm qua biển; tinh tiến trừ khổ, huệ năng thanh tịnh. Lại nói, mắt muốn thấy sắc, mắt thật không muốn chỉ tâm muốn thấy, lấy tên mắt mà nói.

Hỏi: Nếu thế gian trí thật là tướng ấy, tại sao gọi trí? Nếu không lý do mà nói gọi là trí, thì tất cả tướng đều phải gọi trí. Cũng nên nói có hai thứ tướng: một duyên thế đế; hai duyên đệ-nhất-nghĩa-đế?

Đáp: Chẳng phải lẽ. Tướng có nhiều thứ sai khác: có tướng rất ngu si, đến nỗi chẳng biết thiện ác. Có tướng ít si hơn nữa năng duyên tướng xương thủy. Chẳng lia giả danh thì chẳng năng hoại tướng các ám. Tướng này năng thuận với trí hoại ám tướng, nên Phật gọi là trí. Thế-gian có lời nói quả trong nhân: như nói ăn vàng; thí người năm việc; gái làm cầu dơ giới pháp; bờ tốt ngồi xinh; pháp phục người vui. Lại trong kinh bảy lậu nói: “dụng đoạn thủy lậu-nhân gọi là lậu”. Lại nói, lấy ăn làm mạng; cỏ làm trâu dê. Cũng nói, áo com thủy vật đều là ngoại mạng. Như cướp của người tức là cướp mạng. Đây đều nói nhân làm quả. Như vậy trí nhân nói là trí, nên không bị lỗi vậy.

Hỏi: Các niệm-xử là trong Noãn pháp thủy, tâm năng duyên thật pháp là vô-lậu sao?

Đáp: Tâm vô-lậu năng phá giả danh. Vậy nên tùy tâm năng phá giả-danh, từ đây về sau gọi là vô-lậu.

Hỏi: Tâm đến bực nào năng phá giả-danh?

Đáp: Tùy năng thấy đầy đủ tướng ngũ-âm sinh diệt, bấy giờ được vô-thường-tướng. Vô-thường-tướng năng khiến hành-giả đủ vô-ngã-tướng. Như nói; Thánh đệ tử dùng vô-thường-tướng tu tâm thời năng trụ vô-ngã-tướng; dùng vô-ngã-tướng tu tâm năng chóng được giải thoát tham sân si thủy. Tại vì sao? Vì nếu dùng vô-ngã-tướng tu tâm thời năng trụ khổ-tướng, vì ngã-tướng nên dù bị khổ vẫn chẳng biết. Vậy nên, nếu pháp vô-thường vô-ngã mà cũng khổ thời kẻ trí vẫn có thể rất sinh ghét nhàm. Nên vô-ngã-tướng năng đủ khổ-tướng.

Hỏi: Tại sao ông phá thuyết thứ lớp? Trong kinh nói: “Như vô-thường tức là khổ; khổ tức là vô-ngã” Nên vô-thường-tướng năng đủ khổ-tướng; khổ-tướng năng đủ vô-ngã-tướng?

Đáp: Trong kinh nói: “Tu vô-thường-tướng, tâm Thánh đệ-tử năng tu vô-ngã-tướng.” Nên vô-thường-tướng năng đầy đủ vô-ngã-tướng. Lại nói như thế cũng có đạo lý. Tại vì sao? Vì kẻ nói ngã muốn để thành lập đời sau, nên mới nói ngã là thường. Vậy nên, nếu thấy ngũ-âm vô-thường liền biết vô-ngã. Như trong kinh nói: “Nếu người nói mắt là ngã thời không đạo lý”. Tại vì sao? Vì mắt có sinh diệt. Nếu mắt là ngã sinh diệt? Có những lỗi như thế.

Hỏi: Hai kinh ấy nên nói thế nào cho thông?

Đáp: Tướng khổ có hai thứ: một do vô-thường tướng sinh gọi là tướng hoại khổ; hai do vô-ngã-tướng sinh, gọi là tướng hành khổ. Vậy nên hai kinh ấy vẫn chẳng trái nhau.

Hỏi: Nếu như vậy thời niệm xứ trong pháp Noãn thầy có vô-thường tướng; pháp này đều phải là vô-lậu?

Đáp: Trong niệm xứ thầy, nếu là vô-lậu đâu có lỗi chi?

Hỏi: Tâm phạm-phu chẳng nên vô-lậu được, vì tâm phạm-phu còn có vọng niệm-xứ thầy làm sao mà vô-lậu được?

Đáp: Người này chẳng phải hoàn toàn là phạm-phu. Người ấy gọi là tu đáng của Tu-Đà-Hoàn.

Hỏi: Tu quả Tu-Đà-Hoàn ở trong kiến-đạo-đế, Pháp niệm-xứ thầy chẳng gọi kiến-đế?

Đáp: Tu quả Tu-Đà-Hoàn có gần có xa: An-trụ trong niệm-xứ thầy là xa; hành-giả kiến-đế là gần. Tại sao biết được? Phật nói trong kinh ví dụ cán búa rằng: “Hoặc biết hoặc thấy nên được hết lậu”. Biết thấy pháp gì? Nghĩa là đây sắc thầy; đây sắc thầy sinh, đây sắc thầy diệt. Nếu chẳng tu Đạo thời chẳng hết-lậu; mà tu đi thời được, như ví dụ ấp trứng. Lại hành-giả thường tu Đạo-phẩm phiền-não mòn dần hết, tuy chẳng đếm biết được, nhưng hết rồi mới hay, như dụ cán búa. Lại hành-giả thường 37 phẩm trợ Đạo thời dục, buộc, gút, trói dễ có thời tán hoại như ví dụ hải-thuyền. Nên biết do niệm-xứ rồi tu tập Đạo-phẩm đều gọi là kẻ tu hành sơ-quả. Lại nếu trong một niệm hoặc mười lăm niệm chẳng được tu tập, phải biết đấy là kẻ xa tu hành Tu-Đà-Hoàn.

Hỏi: Trước nói: đây sắc thầy; đây sắc thầy sinh, đây sắc thầy diệt, là Đạo sơ-quả; ba dụ sau là dụ tam-quả. Vậy nên chẳng gọi kẻ tu hành sơ-quả?

Đáp: Nếu trúng chẳng ấp thời hư, ấp là thành-tựu. Như vậy từ niệm-xứ trở đi pháp tu tập. Nếu chẳng thành chẳng gọi là hành; mà năng hành là kẻ học-nhân này gọi chẳng hư hoại vì có thể kham-thọ. Vậy nên, nếu vói trong niệm-xứ thầy hư hoại thời gọi phạm-phu. Nếu tu tập thành thời gọi kẻ hành sơ-quả. Như hãy còn ở trong vô-trúng, nếu được ra khỏi vô gọi Tu-Đà-Hoàn. Nên biết còn ở trong niệm-xứ thầy gọi là kẻ xa tu. Lại như Úc-già trưởng-giả cúng-dường Chúng-Tăng có vị Thiên-Thần giới thiệu: Đây là vị A-La-Hán, cho đến đây là kẻ hành-sơ-quả. Nếu còn ở trong kiến-đế-Đạo làm sao chỉ được như vậy? Nếu phải biết đấy là kẻ xa tu. Lại trong kinh Phật nói: “Nếu không có tín thầy năm căn là gọi người này còn ở trong ngoại phạm-phu”. Nghĩa này nói có hai hạng phạm-phu nội ngoại. Nếu chẳng được đạt-phần-thiện-căn gọi là ngoại phạm-phu, mà được gọi là nội. Nội phạm-phu này cũng gọi Thánh-nhân, cũng gọi phạm-phu. Bởi ngoại phạm-phu nên gọi Thánh-nhân; nhờ kiến-đế-đạo nên gọi phạm-phu. Như A-Nan bảo Xa-Nặc rằng: “Phạm-phu chẳng năng niệm sắc không, vô-ngã thọ-tướng-hành-thức không, vô-ngã. Tất cả các hạnh vô-thường; tất cả pháp vô-ngã, dịch diệt Nê-Hoàn”. Bấy giờ Xa Nặc chưa vào pháp-vị, mới nói phạm-phu chẳng năng niệm đây.

Hỏi: Hoặc gần hoặc xa đều gọi là hành-giả, cả thì đâu có sai khác chi?

Đáp: Nếu thấy diệt-đế gọi chân hành-giả. Nếu còn ở viễn-phần thiện-căn thấy ngũ-âm vô-thường, khổ, không, vô-ngã đáp: Do nhân duyên sắc sinh nhãn-thức, tức cộng sinh thọ-tướng-tu thầy, tất cả pháp này đều vô-thường bại hoại chẳng khá tin tưởng bảo đảm được” Nếu pháp vô-thường tức là khổ. Pháp khổ này sinh cũng khổ, trụ cũng khổ, hằng thường khởi tướng cũng khổ. Cho đến ý-pháp cũng như vậy. Nếu khổ ấy diệt, các khổ khác chẳng sinh, không còn nối nhau nữa. Hành-giả tâm nghĩ: Chỗ ấy là tịch-diệt nhiệm mầu nghĩa là bỏ tất cả hư-vọng, diệt hết tham ái, ly tịch Nê-Hoàn.

Nếu vói trong pháp này tâm vào tín giải, chẳng lay chẳng động chẳng lo chẳng sợ. Từ đây trở đi mới gọi là thấy pháp. Nên biết hành-giả nếu dùng vô-thường thầy hạnh quán thầy ngũ-âm gọi là viễn-hành-giả. Nếu thấy Diệt-đế gọi cận-hành-giả. Như Xa-Nặc đáp với các vị Thượng-Tọa rằng: “Tôi cũng có thể nghĩ sắc thầy vô-thường, mà vói tất cả hạnh diệt hết ai, Nê-Hoàn tâm chẳng vào được thông-đạt tín giải”. Nếu như vậy biết chẳng gọi thấy pháp. Lại nói, nếu hành-giả vói trong pháp này dùng nguyên-tuệ tín nhãn gọi là kẻ tín-hành. Vượt khỏi bậc phạm-phu vào chính-pháp-vị, chẳng được sơ-quả quyết chẳng chết-yếu. Nếu dùng lợi-tuệ tín-nhãn gọi là kẻ pháp-hành. Thấy pháp ấy rồi năng dứt ba gút, gọi là Tu-Đà-Hoàn. Rõ ràng không còn gì hết gọi A-La-Hán. Nên biết thấy Diệt gọi là cận-hành-giả. Hỏi tại sao hành-giả chẳng đều thấy diệt?

Đáp: Trong kinh nói: “Các hành vô-tính, do nhiều nhân-duyên mà sinh. Pháp ấy rất sâu xa; hết tất cả ái, tịch diệt Nê-Hoàn, chỗ ấy khó mà thấy được! Đức Phật quán mười hai nhân-duyên diệt nên chứng được Vô-thượng-Đạo. Lại trong Pháp ấn nói: “Nếu hành-giả quán ngũ-âm vô-thường bại-hoại hư-vọng chẳng bền chắc, cũng gọi là không, nên gọi tri-kiến chưa tịnh”. Kinh này sau nói hành-giả khởi nghĩ như vậy: “Những điều mà ta thấy, nghe, ngửi, nếm, chạm và nghĩ, bởi nhân-duyên này mà sinh-thức, nhân-duyên thức ấy là thường hay vô-thường? Tức biết vô-thường”. Nếu từ nhân-duyên vô-thường mà sinh thức thời làm sao thường được? Vậy nên thấy tất cả ngũ-âm vô-thường do nhiều duyên sinh tận-tướng, ly-tướng và diệt-tướng.

Bảy giờ tri-kiến hành-giả mới thanh-tĩnh. Nên biết thấy Diệt gọi thấy Thánh-đế. Lại trước pháp trụ-trí, sau Nê-Hoàn-trí. Nên thấy diệt-đế, gọi là được Thánh-Đạo.

PHẨM KIẾN NHẤT-ĐẾ THỨ 190

Hỏi: Ông nói chỉ thấy diệt-đế gọi là kẻ hành-quả. Việc ấy chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Trong kinh Phật nói: “Ta và các người chẳng năng như thật thấy tứ-đế, nên ở lâu trong sinh tử. Nay thấy tứ-đế này dứt nhân-duyên thân, hết tướng sinh tử, chẳng có thọ thân nữa”. Nên biết thấy tứ-đế mới gọi kẻ hành quả, chẳng phải chỉ thấy Diệt đế. Lại nữa, Phật nói: “Thượng diệt” Chỗ gọi tứ-đế. Vậy nên hành-giả cần phải thấy biết hết.

Lại nói: “Nếu người pháp phục hủy hình chính-tín xuất-gia, đều vì mục đích thấy tứ-đế vậy”. Nếu người muốn được ba Đạo quả trước là đều vì thấy tứ-đế vậy”. Nếu người muốn được ba Đạo quả trước là đều vì thấy tứ-đế vậy. Nếu người được Phật Đạo A-La-Hán, Bích-Chi-Phật, là đều đã thấy tứ-đế vậy. Nên biết chẳng những chỉ thấy diệt-đế. Lại Phật tự nói; “Tứ-đế do thứ lớp mà được, lại trong kinh chuyên-pháp-luân nói: ta quán đây khổ, đây là nhân khổ, đây là diệt khổ, đây là đạo diệt khổ”. Rồi ở trong ấy mới sinh nhân-trí minh-giác. Ba phen chuyển như thế đều nói tứ-đế. Lại trong kinh nói: “Tám vải mới trắng sạch đem ngâm vào trong áo tức thì ăn màu. Như vậy người này tức một phen ngồi là thấy tứ-chân-đế”. Lại nói: “Tâm hành-giả thanh-tĩnh chính-quán khổ-đế cho đến đạo-đế như vậy thấy được. Rồi do từ dục-lậu, hữu-lậu, vô-minh-lậu tâm được giải thoát”. Lại trong các kinh nói Thánh Đế xứ thấy đều nói tứ-đế chẳng những chỉ nói Diệt. Lại Phật nói bốn trí: khổ-trí, tập-trí, diệt-trí, đạo-trí đều vì tứ-đế. Lại pháp hành-giả phải thấy cả bốn-đế, in như thấy thuốc giỏi cần biết bệnh, biết bệnh nhân, chữa bệnh, và thuốc chữa bệnh. Cũng như thế, hành-giả muốn thoát các khổ, cần phải biết khổ, khổ nhân, diệt khổ, và đạo diệt khổ. Nếu chẳng biết khổ thời do đâu mà biết nhân khổ diệt khổ và đạo diệt khổ. Nên biết chẳng những chỉ thấy diệt-đế?

Đáp: Có các thuyết nói tứ-thánh-đế đều nói trong âm giới nhập thấy, nghĩa là biết đây sắc thấy, sắc thấy sinh diệt nên mới được hết lậu. Lại Phật tự nói: “Ta với trong sắc âm thấy chẳng như thật biết vị, quá, xuất, ly trọn chẳng tự gọi được Đạo vô thượng”. Nếu như thật biết thời tự biết được Đạo. Lại trong kinh Thành dụ nói: “Nêu Ta chưa biết lão tử, lão tử sinh, lão tử diệt, và Đạo diệt lão tử; cho đến các hành các hành sinh, các hành diệt, và Đạo diệt các hành, thời chẳng tự nói Ta được Đạo vô thượng”. Nếu như thật biết tự nói ta được thành Phật. Thấy như vậy thấy, nếu là được thấy Đạo ấy thời mười sáu món tâm chẳng gọi được Đạo.

Hỏi: Tôi chẳng nói đây gọi thấy được Đạo là khi suy nghĩ?

Đáp: Trong tứ-đế cũng nói như vậy. Cũng có thể nói là lúc suy nghĩ. Nếu chẳng phải như vậy, thời cần phải nói lý do khi thấy tứ-đế gọi được Đạo; khi thấy ngũ-âm thấy là suy nghĩ?

Hỏi: trí dứt phiền-não gọi là được Đạo; suy nghĩ ngũ-âm thấy chẳng dứt phiền-não?

Đáp: Trước tôi đã nói ngũ-âm thấy trí cũng dứt phiền-não, như nói thấy biết sắc thấy nên được hết lậu. Lại nói, thấy thế-gian nhóm thời diệt chấp không; thấy thế-gian diệt thời chấp có. Lại Phật tự quán nhân-duyên đặc Đạo. Có người quán ngũ-âm mà đặc Đạo; hoặc quán thập nhị nhập, thập bát giới, thập nhị nhân-duyên thấy mà đặc Đạo. Nên biết chẳng những nhờ tứ-đế mà được Đạo. Nếu ý người bảo tuy có thuyết ấy, nhưng chẳng bởi quán này năng dứt phiền-não. Thì người ta cũng có thể nói rằng tuy quán tứ-đế mà chẳng dứt phiền-não? Lại cần phải nhờ chân đế mới đặc Đạo. Nên lời giải trong tứ-đế nói: sinh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, oán tắng hội khổ, ái biệt ly khổ, và cầu bất-đắc-khổ. Tóm tắt mà nói ngũ-âm là khổ. Lại nói, nhân khổ, chỗ gọi tham ái thường bám theo vui mừng xứ xứ chịu thân. Quán như thế thấy mà chẳng hết lậu thì đây đều là thế-đế chứ chẳng phải đệ-nhất-nghĩa vậy.

Hỏi: Tuy quán sinh tử thấy mà chẳng hết lậu. Lược nói ngũ-âm đều khổ. Trong ấy kẻ có trí năng phá phiền-não?

Đáp: Còn ba Đế kia làm sao? Nên biết người tự nhớ tướng phân biệt. Lại quán ngũ-âm đều khổ là tâm tán-loạn nên chẳng được Đạo.

Hỏi: Nếu chẳng dùng tứ-đế được Đạo thì phải lấy pháp nào được Đạo?

Đáp: Lấy một Đế chỗ gọi là Diệt là được Đạo. Như trong kinh nói “Vọng là hư dối, thật gọi là điên đảo”. Tất cả pháp hữu-vi đều hư dối quấy lầy, nên biết hành-giả tùy tâm ở trong pháp hữu-vi đều chẳng phải chân-thật. Như trong kinh nói: “Các pháp hữu-vi đối gạt như huyền hóa, như chiêm bao, như mượn nhờ thấy”. Như trong kinh Pháp-Cú nói: “Hư-vọng buộc thế-gian, giống như có chắc thật, thật không thấy như có, xem kỹ thời đều không”. Như thật không có pháp nam nữ, chỉ ngũ-âm hòa hợp miễn cưỡng gọi là nam nữ, phạm-phu lầm lộn cho đó là thật có; hành-giả xem ngũ-âm ấy trống-không, không ngã, nên tức thì chẳng còn thấy. Như trong kinh Pháp-án nói: “Hành-giả quán sắc vô-thường, trống hư ly tướng”. Vô-thường: là thể tính sắc vô-thường. Trống-hư: Như trong bình không nước gọi là bình không. Như vậy trong ngũ-âm không có thân-ngã, nên gọi là không. Kẻ quán như thế cũng gọi là không, cũng gọi thấy biết chưa thanh-tĩnh, vì

chưa có thể thấy ngũ-âm diệt vậy. Về sau mới thấy diệt, chỗ gọi khởi nghĩ như vậy: Những bao điều ta đã thấy nghe thấy. Nên biết thấy diệt các phiền-não mới dứt hết.

Hỏi: Tại sao thấy diệt-đế mới hết phiền-não mà chẳng phải các đế?

Đáp: Lúc bấy giờ hành-giả đã quyết định khổ-tướng. Nếu chưa chứng diệt-tướng, với trong hữu-vi pháp khổ-tâm chưa quyết, như người chưa được mừng vui của sơ-thiền, với trong ngũ-dục chẳng sinh tướng nhằm chán. Lại như chưa được Định vô-giác-quán, đối với Định-giác-quán chẳng cho là khôn-khổ. Hành-giả cũng vậy, khi chưa chứng tướng Nê-Hoàn tịch-diệt thời chẳng được hành-khổ. Nên thấy biết diệt đế mới đầy đủ khổ-tướng. Khổ-tướng đầy đủ mới dứt được ái thay các gút.

Hỏi: Nếu thấy diệt-đế nên đầy đủ khổ-tướng, lẽ ra thấy diệt-đế sau mới dứt phiền-não. Tại vì sao? Vì thấy diệt-đế rồi khổ-tướng mới đủ vậy?

Đáp: Chẳng phải dứt khi sau. Tùy ở trong Diệt được tướng tịch-diệt tức thì khổ-tướng đầy đủ, sau phải hiện trước. Như trong kinh nói: “Hành-giả đối với Tập sinh tướng, pháp trí tận diệt tướng, tức ở trong pháp ấy được pháp-nhãn thanh-tịnh”. Lại người với trong các ám vô-thường, khổ thấy, nhưng chưa được diệt hẳn. Nếu thấy diệt-đế, nhờ vô tướng nên ngã-tâm diệt hẳn.

Hỏi: Nếu thấy diệt-đế thời hết ngã-tâm. Tại sao Phật quán kẻ đối cơ tâm mềm mại thấy nên vì nói bốn Đế mà chẳng chỉ nói Diệt?

Đáp: Trong ấy có thuận-đạo-hành; kẻ nào dùng vô-thường-tướng, vô-ngã-tướng đầy đủ mới được khổ quán này là kẻ gần Đạo. Vậy nên hiệp lại mà nói.

Hỏi: Nếu khi đắc Đạo dứt thân-kiến, sao lại còn giới-thủ và nghi nữa ư?

Đáp: Hành-giả đắc-Đạo hiện thấy các pháp đều không, vô-ngã, tức chẳng còn nghi. Chẳng còn đồng phàm-phu nghe, nghĩ, quán thấy. Nếu thấy Đạo-đế thời biết duy đây là nhất-thật lại không còn con đường nào khác hơn. Vậy nên nói ba.

Hỏi: Nếu khi đắc Đạo thấy Đế các phiền-não bị dứt hết, mà tại sao chỉ nói hết ba gút ư?

Đáp: Tất cả phiền-não đều lấy thân kiến làm gốc. Như Phật hỏi Tỳ-kheo: “Người do việc gì? Thấy việc gì? Nên mới sinh kiến chấp như vậy: duy có thân này chết thời mất hẳn! Tất cả những kiến chấp như thế thấy? Tỳ-kheo thưa Phật: Phật là ngôi Pháp-Vương! Lạy xin giải thích? Phật dạy: Người do sắc, bởi sắc thấy sắc là ngã, nên mới khởi kiến chấp ấy. Cho đến thức cũng như thế cả”. Nên biết bởi kiến chấp ngã mà khởi các phiền-não. Tại vì sao? Vì nếu có thân kiến thời bảo cái ta đây: hoặc thường, vô-thường. Nếu định kiến thường thời là thường kiến; định kiến vô-thường thời là đoạn kiến. Nếu ngã là thường thời là không nghiệp, không báo, không giải thoát khổ; mà ngã nếu vô-thường cũng không nghiệp báo và giải thoát khổ, vì chẳng cần tu tu Đạo mới vào được Nê-Hoàn. Nếu cho kiến chấp ấy là hơn, tức là kiến thủ, và bảo là năng được độ tức là giới thủ. Tự yêu chấp mình, ghép chấp kẻ khác, lấy chấp ấy tự cao tức là kiêu mạn. Đều bởi chẳng như thật biết nên mới khởi gút này tức là vô-minh. Vậy nên dứt thân kiến mới thấy Đế dứt gút.

Hỏi: Nếu dứt thân kiến các thứ khác cũng dứt theo, thì cần gì nói riêng giới thủ và nghi ư?

Đáp: Vì nó hơn vậy. Hành-giả hiện thấy pháp tướng thời không có nghi. Nghi này là nghi ngã có hay không? Cũng nghi Đạo này có được thanh-tịnh chẳng? Khiến cho thấy khổ-đế thời dứt ngã-kiến. Cũng biết duy nhất Đạo lại không có con đường nào khác. Vậy nên mới nói dứt thân-kiến là thật thấy khổ. Vì dứt giới-thủ nên gọi tu hành Đạo. Đối với trong pháp năng-tri và sở-tri không nghi; hoặc dùng chính tri biết pháp sở-tri, liền dứt tập, chứng Diệt gọi là đủ bốn Đế. Nên mới nói ba pháp này để rõ tướng không nghi. Nghi này do ngã đạo mà sinh, như trong kinh nói: “Đầu tiên được Đạo tướng”. Nghĩa là thấy pháp, được pháp, biết pháp, đạt pháp, vượt quá các lưới nghi; chẳng theo giáo pháp kẻ khác; ở trong Phật-Pháp được sức vô-úy an-trụ trong quả.

PHẨM NHẤT-THIỆT DUYÊN THỨ 191

Hỏi: Trí nào năng duyên tất cả?

Đáp: Nếu trí duyên đi giới, nhập thấy gọi là duyên tất cả. Tại vì sao? Vì như nói pháp các nhập các giới, sự vật có các duyên các trần thể nhận biết thấy, đều gồm hết các pháp, nếu trí năng duyên gọi là duyên tất cả.

Hỏi: Trí này chẳng biết các pháp tương-ung cộng sinh?

Đáp: Năng biết. Như duyên nhập thấy, đây gọi tổng-tướng-trí. Vì tổng-tướng-trí nên mới năng duyên tất cả. Tại vì sao? Vì như nói thập-nhi-nhập thời không còn thừa pháp nào nữa. Nên biết trí này cũng duyên tự-thể.

Hỏi: Trong kinh nói: “Hai nhân-duyên sinh thức”. Vậy nên chẳng phải có trí tự duyên. Lại các trí không có nhân-duyên ví-dụ để chỉ nghĩa năng duyên tự-thể, như đầu ngón tay chẳng năng tự xúc; mắt chẳng năng tự thấy được?

Đáp: Người nói hai nhân-duyên sinh thức, việc này chẳng nhất định. Cũng có không nhân-duyên trí, chứ chẳng phải tất cả đều do hai nhân-duyên mà sinh. Lại đệ-lục-thức ở trong tự ám đều không có cảnh duyên vì không có hiện pháp nên thức này chẳng năng duyên pháp sắc thấy. Nếu mà năng duyên là những kẻ mù lòa cũng thấy sắc? Bấy giờ tâm và tâm-số-pháp người này còn ở trong khứ-lai, mà khứ-lai không pháp thời lấy gì làm cảnh duyên? Chỉ vì ngăn chấp thân-ngã nên mới nói như vậy thôi. Nếu các thứ sinh đều do hai thứ chẳng phải bốn nhân-duyên; hoặc có thức sinh không hai nhân-duyên, như trong kinh nói: “Sáu nhập làm nhân-duyên xúc”. Mà thật không lấy sáu món nhập, vì ngăn món nhập thứ bảy vậy. Như vậy ngăn bốn nhân-duyên nên Phật mới nói hai. Lại đối với trong quá-khứ, vị-lai, hư-không, thời, phương thấy sinh biết mà những pháp ấy thật không có. Đây tức là không duyên mà biết.

Hỏi: Nếu như vậy thời do nhân-duyên ấy, các pháp quá-khứ vị-lai lẽ phải có, vì nếu không làm sao sinh biết; với những sừng thỏ, lông rùa, chân rắn thấy trọn không sinh biết?

Đáp: Đối với trong tác-động sinh-biết. Như vậy thấy người đi là nhớ khi đi, nghe người nói là nhớ khi nói. Như vậy thấy trong quá-khứ không tác, vậy nên chẳng phải lẽ.

Hỏi: Nay đối với quá-khứ là nhớ thứ gì?

Đáp: Nhớ pháp vô-sở-hữu. Người nói sao chẳng nhớ sừng thỏ thấy. Nếu pháp sinh rồi mà diệt là có thể nhớ được. Mà xưa nay hẳn không có làm sao nhớ được? như pháp trước kia gọi chúng-sinh, nay tuy đã quá nhưng cũng gọi chúng-sinh. Như vậy trước kia, với pháp này sinh nhớ, nên nay tức tâm này nhớ lại, chẳng phải tâm khác vậy. Lại người này trước lấy tướng pháp ấy, pháp ấy nay tuy đã diệt mà có thể sinh pháp nhớ tướng phân-biệt; như pháp sinh ở tâm ấy, pháp này diệt mất sau ý-thức mới sinh. Năng biết việc ấy gọi là tướng duyên thức. Lại tướng này năng làm nhân-duyên cho tướng duyên thức sau, chứ biết sừng thỏ thấy không tướng làm nhân, vậy nên chẳng sinh. Lại cũng nên có biết duyên sừng thỏ thấy, nếu không làm sao năng nói ra được.

Hỏi: Sừng thỏ thấy tính chẳng khá biết. Tại vì sao? Vì trọn chẳng sinh các ý nghĩ dài ngắn đen trắng thấy, nên pháp quá-khứ cũng như vậy. Tại vì sao? Vì chúng tôi không thể dùng pháp quá-khứ khiến hiện được trước mắt, như Thánh-nhân biết được vị-lai nói việc này sẽ như vậy, việc kia sẽ chẳng như vậy?

Đáp: Trí-lục Thánh-nhân là vậy, pháp tuy chưa có mà năng dự biết. Như Thánh-nhân năng hoại vách đá ra vào không ngại. Việc này cũng vậy, không mà năng biết. Lại vì sức nhớ nên biết. Như nhãn-thức chẳng năng phân biệt nam nữ. Nếu nhãn-thức bất năng lẽ ra ý-thức cũng bất năng, mà ý thức thật năng. Việc này cũng vậy. Lại như chúng ta với trong việc trước đã từng diệt rồi mới sinh biết; Thánh nhân cũng vậy, với trong pháp không có mà năng sinh biết. Lại như nói Đê-Bà-Đạt-Đa không có một thức năng biết bốn chữ, mà cũng năng biết. Việc này cũng vậy. Lại như các số lượng sai khác hiệp ly đây kia thấy, trong ấy tuy không hiện pháp cũng năng sinh biết. Lại như thân người chẳng khá dùng một niệm mà biết khắp, cũng chẳng khá dùng phân tách từng phần mà hiểu biết; tuy phân tách từng phần chẳng biết, một niệm chẳng biết mà cũng sinh biết người. Việc này cũng vậy. Người nói không có nhân-duyên ví dụ năng biết tự-thể. Trong ấy có nói ý năng tự biết, nói hành-giả tùy tâm quán mà đi đến không tâm. Nên biết dùng tâm hiện tại duyên tâm hiện tại. Nếu chẳng phải vậy trọn không không có người năng biết pháp hiện tại tâm tương-ung.

Hỏi: Trong kinh nói: “Nếu năng đem huệ quán tất cả pháp vô-ngã tức được nhàm lìa khổ. Đạo này là thanh-tịnh”. Trí-huệ này trừ tự-thể và cộng sinh pháp thừa tất cả duyên pháp?

Đáp: Trí này chỉ duyên hữu-lậu chẳng phải vô-lậu. Tại vì sao? Vì trong kệ vậy nói: “tức nhàm lìa khổ”. Nên mới biết chỉ duyên khổ-đế. Lại vì phá ngã-kiến, tu vô-ngã trí. Ngã-kiến duyên năm món thọ-âm, nên phải biết vô-ngã cũng là duyên thọ âm. Năm thọ âm này vô thường nên vô-ngã. Như trong kinh nói: Nếu vô thường tức vô-ngã. Nếu vô-ngã tức là khổ. Lại Phật bảo Tỳ-kheo: “Đoạn chẳng phải pháp sở-hữu của người. Tỳ-kheo nói: Được rồi, Bạch Thế-Tôn! Phật hỏi: Người được thứ gì? Bạch Thế-Tôn! Sắc là phi ngã-sở, thọ-tướng-hành-thức cũng đều phi ngã-sở. Phật khen: Hay thay! Hay thay!” Cho nên mới biết chỉ trong thọ-âm sinh vô-ngã tâm. Lại trong kinh nói: “Các sở-hữu-sắc hoặc quá-khứ vị-lai, nội ngoại thô tế, gần xa lớn nhỏ, đều nên biết phi ngã phi ngã-sở”. Như vậy như thật lấy chính huệ mà quán. Lại nói: Quán sắc vô-ngã, thọ-tướng-hành-thức vô-ngã; quán sắc vô-thường luống dối như trò huyền gạt kẻ không có mắt trí; là kẻ oán, là kẻ giặc, không ngã, không ngã sở. Lại Phật nói: Ở trong tọa này có người ngu si, còn ở trong vô minh bị vô minh làm mù, nên bỏ rời Phật-Pháp mà sinh tà kiến này: “Nếu sắc vô-ngã, thọ-tướng-hành-thức đều vô-ngã. Vô-ngã thời làm sao khởi nghiệp mà ngã chịu?”. Nên mới biết vô-ngã chỉ duyên thọ âm. Lại trong kinh không chỗ nào nói vô-ngã trí duyên tất cả pháp, mà chỗ chỗ đều nói duyên năm món thọ âm.

Hỏi: Phật tự nói: “Tất cả pháp vô-ngã”. Nên biết hữu-vi vô-vi này đều duyên, chẳng những duyên năm món thọ âm. Lại nói: mười món không duyên tất cả pháp. Không tức vô-ngã. Lại nói: Các hành vô-thường, khổ, tất cả pháp vô-ngã. Nếu vô-ngã trí chỉ duyên khổ-đế, tại sao chẳng nói các hành vô-ngã? Vì nói tất cả

pháp vô-ngã nên mới biết: nếu nói “hành” là nói hữu-vi; nếu nói “pháp” tức chung thông tất cả. Lại nói: Kẻ nào đối với một tướng pháp và biệt dị tướng pháp, trí huệ hiện tại tiền như mắt sáng thấy sắc. Duy chư Phật Thế-Tôn chính trí được giải thoát mới có thể đối một tướng pháp và biệt dị tướng pháp, trí-huệ hiện tại tiền như kẻ sáng mắt thấy sắc. Vì vô-ngã tướng nên các pháp một tướng. Nên biết vô-ngã duyên tất cả pháp chẳng những duyên khổ?

Đáp: Có hai thứ tất cả: một nhiếp tất cả, hai nhiếp một phần. Nhiếp tất cả: Như Đức Phật nói: Ta là người Trí tất cả. Tất cả gọi là mười hai món nhập. Nhiếp một phần: Như nói “tất cả vậy”. Mà vô-lậu vô-vi “chẳng khá được vậy”. Lại trong phẩm Như-Lai nói Như-Lai là kẻ bỏ tất cả, là kẻ hơn tất cả. Nhưng chẳng khá bỏ pháp trì-giới thấy, mà chỉ vì bỏ ác pháp nên mới nói bỏ tất cả; cũng chẳng khá hơn các Đức Phật khác, mà chỉ vì hơn các chúng-sinh mới nói hơn tất cả. Lại nói: “Gọi Nhất-Thiết-Trí là thế nào Tỳ-kheo?”

Đáp: Nghĩa là như-thật biết sau món xúc-nhập sinh diệt gọi là biết tướng chung tất cả pháp, chẳng phải trí tướng riêng”. Với Phật chung riêng đều biết hết, nên gọi là bậc Nhất-Thiết- Trí. Tỳ-kheo ấy đã biết hết các pháp vô-thường thấy nên gọi Nhất-Thiết-Trí. Kỳ danh tuy đồng, mà kỳ thật có khác, đây gọi là nhiếp một phần. Lại Phật nói: Nếu pháp đã vào kinh-tạng, tùy thuận theo luật-tạng, chẳng trái với pháp tướng, pháp ấy nên lãnh-thọ. Lại nói: Nếu người nói đây là lời Phật nói; người này lời chính mà nghĩa phi. Kẻ trí với trong ấy nên nói chính-nghĩa, và bảo Tỳ-kheo này rằng lời ấy nên cùng nghĩa nào tương-xứng? Lại có kẻ nói nghĩa-chính mà lời phi. Trong chính-nghĩa này nên đề riêng chính-ngữ. Như vậy thấy kinh Phật đều cho phép. Lại có kinh liễu-nghĩa và bất-liễu-nghĩa nghĩa là rốt-ráo và chẳng rốt-ráo. Kinh này thuộc nghĩa chẳng rốt-ráo. Tại sao với trong một việc mà nói tên tất cả? Cần nên biết ý ấy. Lại người đời với trong một việc cũng nói tất cả, như nói vì cúng tất cả, cho ăn tất cả; cũng nói người này tất cả đều ăn. Nên biết tuy nói tất cả vô-ngã nhưng phải biết chỉ vì năm món thọ-ấm mà nói, chứ chẳng phải vì tất cả pháp. Người nói mười món không. Trong ấy chẳng được có vô-vi Không. Tại vì sao? Vì không ai với vô-vi mà sinh ngã-tướng. Nên dù có còn “không đi nữa cũng không hại gì, vì người cũng dùng khô-trí cùng tương-ung với không. Vậy nên “không” chẳng phải duyên tất cả pháp.

Hỏi: Thế-gian “không” duyên cả pháp chẳng phải vô-lậu – không sao?

Đáp: Không có thế-gian không. Tất cả không đều là vô-lậu.

Hỏi: Trong kinh Pháp-án nói: không là thế-gian-không?

Đáp: Đây là xuất-thế-gian-không chứ chẳng phải thế-gian-không.

Hỏi: Trong ấy nói: Tri-kiến chưa-tịnh. Nên biết là thế-gian không?

Đáp: Tôi trước đã nói vô-lậu-tâm năng phá giả-danh. Vậy nên từ khi phá giả-danh trở đi gọi là vô-lậu-tâm; về sau thấy diệt-đế, lìa tăng-thượng-mạn, mới gọi là tri-kiến-tịnh. Vậy nên không có thế-gian-không. Người nói tất cả hành vô-thường, tất cả pháp vô-ngã. Như vậy cần có hành-giả đầy đủ vô-ngã tướng; khi mà pháp-tướng đầy đủ nên đối với vô-ngã nói pháp danh-tự. Như trong kiến-đế phẩm nói: “Nếu người chẳng thấy khổ, đây tức là thấy ngã; khổ như-thật thấy khổ; tức chẳng còn thấy ngã”. Như-thật: Nghĩa là thấy vô-ngã. Vậy nên nói tất cả pháp vô-ngã, chỉ duyên khổ-đế nói vô-ngã-hành. Người nói Phật hiện tiền thấy nhất-tướng dị-tướng. Đây cũng cần có, vì lấy giới nhập thấy làm nhất, nên nói nhất-tướng đâu có lỗi gì ư?

Thành Thật luận hết quyển 15